TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02/01/2024
V/v: "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Hoài Khanh

Bà Chung Kim Sang

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án thụ lý số: 291/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2023, về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: số nhà 1008, đường N, khu phố 2, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: số nhà 248/3B, đường T, khu phố 6, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:

Tôi và anh V tự quen nhau, chung sống có tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang ngày 15/11/2013.

Sau khi cưới vợ chồng sống với gia đình anh V tại 248/3B, đường T, khu phố 6, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẩn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, mâu thuẩn về kinh tế, anh V không lo làm ăn, nên thường xuyên xảy ra cự cãi bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị P yêu cầu xin được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Chị P xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 03/9/2014, hiện đang sống với anh V. Chị P yêu cầu giao con chung cho anh V nuôi dưỡng, chị P không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Hoàng V đã được Toà án tống đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà cho anh Nguyễn Hoàng V theo đúng trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nhưng anh V không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục sơ thẩm đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền thụ lý vụ án, đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 BLTTDS; Việc thu thập chứng cứ, cấp, tống đạt các văn bản và xử lý kết quả tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định tại Điều 96-101, Điều 106, 108, 109, Điều 170, 171, 177. 179 BLTTDS.

Về thời hạn giải quyết vụ án, chưa đảm bảo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Hoàng V tự quen biết nhau và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang ngày 15/11/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẩn, đến tháng 3/2021 thì ly thân đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên chị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh V.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, dù đã được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh V vẫn không ký nhận văn bản, đồng thời vắng mặt tại các buổi hòa giải không lý do, không trình bày ý kiến của mình nên đến thời điểm này, mâu thuẩn giữa anh V và chị P vẫn chưa được giải quyết, việc hòa giải và hàn gắn hôn nhân không thể thực hiện được. Do đó, chị P yêu cầu ly hôn với anh V là có cơ sở để chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 18/8/2023 của cháu Nguyễn Ngọc D thể hiện cháu D mong muốn được sống với cha nên xét thấy yêu cầu của chị P về việc giao con chung cho anh V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị P và anh V không tranh chấp về vấn đề này nên không xem xét. Trường hợp anh V có yêu cầu thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị P khởi kiện yêu cầu "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" với anh Nguyễn Hoàng V. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Nguyễn Hoàng V vẫn vắng mặt không rõ lý do và chị P đồng ý xét xử vắng mặt anh V. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh V.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án nhận thấy do vụ án tranh chấp cần có thời gian điều tra, xác minh nên vi phạm thời hạn giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh V tự quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết theo quy định pháp luật và được Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/11/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh V, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị P và anh V không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Nguyên nhân chị P xác định là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, mâu thuẩn về kinh tế, anh V không lo làm ăn, nên thường xuyên xảy ra cự cãi bất hòa, anh chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 đến nay. Trong thời gian chị P, anh V sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh V là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh V.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị P xác định có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 03/9/2014, hiện con chung đang sống với anh V. Chị P yêu cầu giao con chung cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng, chị P không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi chị P, anh V sống ly thân, con chung do anh V nuôi dưỡng. Tại bản trình bày nguyện vọng của cháu Ngọc D có nguyện vọng muốn sống chung với cha là anh V, nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao người con chung tên Nguyễn Ngọc D cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng; do anh V không có ý kiến yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Anh Nguyễn Hoàng V không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh V có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá về quan điểm giải quyết vụ án.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 03/9/2014 cho anh Nguyễn Hoàng V chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh V không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị P thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Chị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Trần Thị P phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị P được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007555 ngày 19/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THẠCH SÔ PHÉP

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.